TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HS-ST
Ngày 28-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Nguyễn Thị Luyến

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số122/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Tsinh năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 18/52 đường Đà Nẵng, tổ dân phố Đà Nẵng, thị trấn Núi Đèo, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; con ông Đào Văn Mai và bà Vũ Thị Lệ; có vợ Đồng Thị Thuỳ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2023; có mặt.

2. Dsinh năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Minh Thực và bà Phạm Thị D; có vợ Nguyễn Thị Nhi và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2023; có mặt.

3. Hsinh năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã Quảng Thanh, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Thắng (đã chết) và bà Vy Thị D; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 61/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân huyện N, thành

phố Hải Phòng xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý; bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2023; có mặt.

4. Lsinh năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đường Đá, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; con bà Lê Thị Giang; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2023; có mặt.

5. Nsinh năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hoàng Động, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Đức (đã chết) và bà Bùi Thị Thuỷ; có vợ Lê Thị Thảo và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 141/2011/HSST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và bản án số 10/2015/HSST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đều đã xoá án tích); bị tạm giữ từ ngày 09/4/2023 đến ngày 18/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

6. Dsinh năm 1978 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp 4, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hoà Hảo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt N; con ông Đinh Hồng Tăng và bà Lê Thị Lệ; có chồng Bùi Văn Nghĩa và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 04/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 10/4/2023 đến ngày 18/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Bà C- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà K và chị P; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 00 phút ngày 09/4/2023 tại phòng 201 Nhà nghỉ B thuộc thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý - Công an huyện N kết hợp với Công an xã S kiểm tra phát hiện nhóm đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý bao gồm T, D, H và L. Quá trình khám xét còn có K sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn 6, xã S, huyện N, Hải Phòng là chủ nhà nghỉ B. Vật chứng thu giữ gồm 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế trên nỏ thuỷ tinh có dính tạp chất màu đen, 01 túi nilon kích thước 1,5x2,5cm bám dính tinh thể màu trắng (nghi là chất ma tuý), 01 bật lửa gas màu đỏ đã qua sử dụng và 01 nỏ thủy tinh tại giường ngủ phòng 201 nhà nghỉ B; thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 15B2 - 279.16 và 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen gắn sim số 0783.105.878 của T, 01 điện thoại Iphone 12 gắn sim số 0877.667.297 của D, 01 điện thoại

Iphone 11 gắn sim số 0393.142.291 của H và 01 điện thoại Vsmax gắn sim số 0342.275.387 của L.

Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng 201 nhà nghỉ B tại thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng và chỗ ở của Ltại thôn Đ, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ đồ vật gì có liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành xét nghiệm nước tiểu của các đối tượng trên tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: T, D, Hvà Lđều dương tính với chất ma tuý Methamphetamine; Kâm tính với các chất ma tuý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy của các đối tượng trên tại Trường Lao động Xã hội Thanh Xuân ở phường Thành Tô, quận A, thành phố Hải Phòng xác định T, D, Hvà L đều nghiện ma tuý Methamphetamine.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, T, D, H và L khai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09/4/2023 T mang theo 01 nỏ thủy tinh rồi gọi điện cho D rủ đi sử dụng ma túy đá, D đồng ý và bảo T đến đón. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B2 - 279.16 đến khu vực chợ cóc xã S, huyện N đón D. Khi gặp nhau T và D thống nhất mua 500.000 đồng ma tuý đá, D là người trả tiền mua ma túy trước, sau khi sử dụng xong hết bao nhiêu tiền sẽ chia nhau. D nhắn tin cho H nhờ mua hộ 500.000 đồng ma tuý đá và bảo H tìm địa điểm để cùng nhau sử dụng ma tuý, H đồng ý và bảo D chuyển khoản 500.000 đồng vào số tài khoản của H. D chuyển khoản cho H số tiền 500.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô chở T đến phòng trọ của H. Lúc này H đang ở phòng trọ tại thôn 3, xã Kiền Bái, huyện N, thành phố Hải Phòng cùng L, P sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn 1, xã Quảng Thanh, huyện N, thành phố Hải Phòng (là em gái của H), F sinh năm 2005 (là bạn gái của L), cháu Csinh năm 2020 (là con của H) và cháu Phạm Hà Vy (là con của Huyền). H đưa cho L xem tin nhắn của H với D, H nhờ L mua ma túy đá và rủ L cùng đi sử dụng ma tuý, L đồng ý. L nhắn tin cho Nhỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, N đồng ý và bảo L chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của N rồi đến nhà N tại thôn 1, xã Hoàng Động, huyện N để lấy ma túy. L bảo H chuyển khoản cho N số tiền 870.000 đồng trong đó có 500.000 đồng tiền mua ma túy và 370.000 đồng tiền L trả nợ cho N, số tiền này L đã đưa tiền mặt trả cho H. Sau khi H chuyển khoản số tiền 500.000 đồng cho N xong H bảo Huyền, Phương cùng hai con của H, Huyền và L gọi taxi đến nhà nghỉ B thuộc xã Thủy Sơn, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khi đến nhà nghỉ B, H, Huyền, Phương và hai con của H, Huyền vào nhà nghỉ B, còn L tiếp tục ngồi trên xe taxi đến nhà N lấy ma túy đá. H vào nhà nghỉ gặp nhân viên lễ tân thuê hai phòng 201 và 202, mục đích phòng 201 dùng để sử dụng ma túy và phòng 202 để Phương, Huyền và hai con của H, Huyền nghỉ ngơi, sau khi sử dụng ma tuý xong L và Phương sẽ ở phòng 201, còn H, Huyền và hai con của H, Huyền ở phòng 202. Sau đó H gọi điện cho D và L về việc đã thuê phòng 201 và 202 tại nhà nghỉ B. Cùng lúc này L đến nhà N, L bảo lái xe taxi dừng tại đường bờ đê đứng chờ, còn một mình L đi vào nhà N. Tại cổng nhà N, N đưa cho L một túi nilon kích

thước 1,5x2,5cm chứa ma túy đá, L cất túi ma túy vào trong người rồi quay lại xe trở về nhà nghỉ B và trả tiền thuê xe taxi. Sau khi nhận được điện thoại của H, T và D đến nhà nghỉ B, T thuê phòng 204 để nghỉ ngơi, còn D qua phòng 202 gặp H hỏi về việc mua ma tuý, H bảo D về phòng khi nào lấy được ma túy thì H sẽ gọi. Khoảng 20 phút sau khi mua được ma tuý L vào phòng 202, H bảo L sang phòng 201 đồng thời H cầm theo 01 vỏ chai nước nhãn hiệu Sting sang phòng 201. Tại phòng 201 L lấy trong người 01 bật lửa gas màu đỏ, 01 túi nilon chứa ma túy đá, 01 nắp chai nhựa có gắn nỏ thuỷ tinh và ống hút bỏ ra giường. H đưa vỏ chai nước Sting cho L để lắp ráp thành bộ đồ sử dụng ma túy đá. Sau đó L đổ một ít ma túy đá vào nỏ thủy tinh, châm hút trước 01 hơi rồi đưa cho H hút 02 hơi. H nhắn tin cho D bảo sang phòng 201. Khi D sang phòng L tiếp tục châm lửa mời D hút một hơi. D quay về phòng 204 gọi T sang phòng 201. Khi vào phòng 201 T lấy trong người một nỏ thủy tinh bỏ ra giường mục đích để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Do L đã lắp ráp sẵn bộ sử dụng ma tuý nên nỏ thuỷ tinh này không sử dụng. L đưa cho D túi ma tuý đá, D đổ hết ma tuý vào trong nỏ, dùng bật lửa châm mời mọi người, lần lượt T, D, H và L sử dụng. Cả nhóm hút được bốn vòng thì hết số ma túy đá. D lấy nỏ thủy tinh dùng nước rửa sạch rồi ngồi nói chuyện đến khoảng 04 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện. Tại thời điểm khám xét phòng 202 không có ai.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, L khai đã 02 lần mua ma tuý của Ntại nhà của N ở thôn 1, xã Hoàng Động, huyện N, thành phố Hải Phòng, mỗi lần L đều mua 01 túi ma tuý đá với giá 500.000 đồng, cụ thể: Lần thứ nhất khoảng giữa tháng 01 năm 2023 L đến nhà N mua ma tuý và trả tiền mặt cho N. Lần thứ hai khoảng 02 giờ ngày 09/4/2023 L chuyển khoản trước rồi đến nhà N để lấy ma tuý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ntại thôn 1, xã Hoàng Động, huyện N, thành phố Hải Phòng đã thu giữ tại góc tường bên trái cửa trong phòng ngủ của N có 01 hộp kim loại viền xung quanh màu đỏ lòng hộp màu vàng kích thước 1,5x2cm bên trong có 02 túi nilon kích thước 1,5x2cm đều chứa tinh thể màu trắng (nghi là chất ma tuý); tại cây treo quần áo trong phòng ngủ của N có 01 túi giả da màu đen kích thước 14x20cm bên trong có 01 túi nilon kích thước 8x13cm chứa 26 viên nén màu xám hình quả lựu đạn (nghi là chất ma tuý), 01 túi nilon kích thước 3,5x5cm bên trong có 07 túi nilon gồm 06 túi nilon kích thước 2x2cm và 01 túi nilon kích thước 1,5x2cm đều chứa tinh thể màu trắng (nghi là chất ma tuý), 01 túi nilon kích thước 7x11cm bên trong có 14 túi nilon kích thước 2x3cm đều chứa tinh thể màu trắng (nghi là chất ma tuý), 01 túi nilon kích thước 3,5x6,5cm bên trong chứa chất bột màu nâu (nghi là chất ma tuý), 20 vỏ túi nilon kích thước 1,8x2,5cm, 01 cân điện tử và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0333.318.268 đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nkhai đã nhiều lần bán ma tuý cho nhiều người nhưng không nhớ rõ là ai, thời gian cụ thể như thế nào. Nchỉ nhớ 02 lần bán ma tuý cho Lcụ thể: Khoảng giữa tháng 01/2023 và khoảng 02 giờ ngày 09/4/2023, mỗi lần N bán cho L 01 túi ma tuý đá với giá 500.000 đồng. Số ma tuý Công an thu giữ tại nhà N là của N, N cất giấu với mục đích để bán. Nguồn

gốc số ma tuý N bán và bị thu giữ là N mua của Dở thôn 6, xã Tam Hưng, huyện N, thành phố Hải Phòng để bán. Nđã nhiều lần mua ma tuý của D nhưng chỉ nhớ 02 lần gần nhất, cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 04/4/2023 N nhắn tin qua ứng dụng Zalo mua của D 05 gam ma túy đá với giá 3.500.000 đồng và 30 viên thuốc lắc với giá 5.500.000 đồng. D cho thêm N 01 túi chất bột màu nâu là ma tuý thuốc lắc. N chuyển khoản cho D 9.000.000 đồng, D bảo N đến thùng rác cách nhà D 5m để lấy ma tuý. Sau khi mua được ma tuý N đã chia nhỏ 05 gam ma túy đá bán hết, 30 viên thuốc lắc N đã bán 04 viên còn lại 26 viên, túi chất bột màu nâu chưa bán cho ai.

Khoảng 20 giờ ngày 08/4/2023 N nhắn tin qua ứng dụng Zalo mua của D 05 gam Ketamine với giá 4.000.000 đồng và 05 gam ma túy đá với giá 3.500.000 đồng, số tiền này N nợ D chưa trả. D bảo N đến thùng rác cạnh nhà D để lấy ma túy. Sau khi mua được ma tuý N chia 05 gam ma túy đá thành 18 túi, bán cho L 01 túi, N sử dụng 01 túi còn lại 16 túi; 05 gam ma túy Ketamine chia thành 07 túi chưa bán cho ai.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D và những khu vực liên quan tại thôn 6, xã Tam Hưng, huyện N, thành phố Hải Phòng thu giữ 01 hộp giấy màu trắng kích thước 5x18x9cm đặt trên mặt bàn cạnh cổng ra vào trong sân nhà của Dcó 02 túi nilon kích thước 4x6cm chứa tinh thể màu trắng (nghi là chất ma tuý), 01 nỏ thủy tinh, 01 ống nhựa màu trắng 01 đầu cắt vát nhọn một đầu một đầu bằng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đỏ bên trong có sim số 0398.218.984 và 01 sim điện thoại 0366.938.818 tại mặt bàn uống nước trong nhà Đinh Thị D.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, D khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn N. Ngày 03/4/2023 D sang đường tàu nội thành Hải Phòng mua của 01 người đàn ông không quen biết 04 túi ma tuý đá với giá 3.000.000 đồng/01túi, 01 túi ma tuý Ketamine với giá 3.500.000 đồng và 30 viên thuốc lắc với giá 160.000 đồng/01viên. Sau khi mua được ma tuý, D mang về nhà cất giấu tại 01 hộp giấy trên mặt bàn cạnh cổng ra vào để bán.

Tại kết luận giám định số 326/TB-KTHS(MT) ngày 11/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tạp chất màu đen bám dính trên nỏ thuỷ tinh gắn trên bộ đồ sử dụng ma tuý đá tự chế thu giữ tại phòng 201 nhà nghỉ B là ma tuý loại Methamphetamine không đủ điều kiện xác định khối lượng chất ma tuý. Tinh thể màu trắng bám dính trong túi nilon thu giữ tại giường ngủ phòng 201 nhà nghỉ B là ma tuý loại Methamphetamine không đủ điều kiện xác định khối lượng chất ma tuý. Tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon kích thước 1,5x2cm thu giữ tại hộp kim loại để ở góc tường trong phòng ngủ của Ncó khối lượng 0,25 gam là ma tuý loại Methamphetamine; 26 viên nén màu xám hình quả lựu đạn thu giữ tại túi giả da màu đen treo trên cây treo quần áo trong phòng ngủ của Ncó khối lượng 12,79 gam là ma tuý loại MDMA; tinh thể màu trắng trong 06 túi nilon kích thước 2x2cm và 01 túi nilon kích thước 1,5x2cm có khối lượng 4,84 gam là ma tuý loại Ketamine; tinh thể màu trắng trong 14 túi nilon kích thước 2x3cm có khối

lượng 3,18 gam là ma tuý loại Methamphetamine; chất bột màu nâu trong 01 túi nilon kích thước 3,5x6,5cm có khối lượng 0,47gam là ma tuý loại MDMA.

Tại kết luận giám định số 328/TB-KTHS(MT) ngày 14/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon kích thước 4x6cm thu giữ trong 01 hộp giấy màu trắng trên mặt bàn cạnh cổng ra vào trong sân nhà của Dcó khối lượng 4,86 gam là ma tuý loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon kích thước 4x6cm thu giữ 01 hộp giấy màu trắng trên mặt bàn cạnh cổng ra vào trong sân nhà của Dcó khối lượng 2,02 gam là ma tuý loại Methamphetamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bà K khai: Bà D là quản lý nhà nghỉ B. Khoảng 02 giờ ngày 09/4/2023 có 03 người nữ giới dẫn theo 02 con nhỏ vào thuê nhà nghỉ, bà D sắp xếp cho thuê phòng 201 và phòng 202. Sau đó khoảng 20 phút có 02 N giới là T và D đến, T thuê phòng 204 để nghỉ. Khoảng 02 giờ 30 phút có 01 N giới đi taxi đến và bảo cho lên phòng 201. Bà D không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma tuý và không tham gia sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bản cáo trạng số 138/CT-VKSTN ngày 12/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo T, D, Hvà Lvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nvà Dvề tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, D, H, L, Nvà Dđã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội D cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo T, D, Hvà Lbị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, Nvà Dbị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo T, D, H và Lvề tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nvà Dvề tội Mua bán trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội D cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T) xử phạt các bị cáo T, D và L, mỗi bị cáo từ 08 đến 09 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Htừ 08 năm đến 09 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, tổng hợp với hình

phạt với hình phạt 07 năm 06 tháng tù tại bản án số 61/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 09 năm đến 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/4/2023. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 10 năm đến 11 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại bản án số 04/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2023. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, D, H, L, N và D. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 vỏ túi nilon và 01 nỏ thuỷ tinh được niêm phong trong 01 phong bì giấy niêm phong số 326MT-A/PC09; số ma tuý còn lại sau giám định và vỏ bao bì còn lại sau giám định của mẫu số 3 đến mẫu số 7 được niêm phong trong 01 bì giấy niêm phong số 326MT/PC09; số ma tuý còn lại sau giám định và vỏ bao bì của 02 mẫu trong 01 bì giấy niêm phong số 328MT/PC09; 01 vỏ chai sting, 01 nắp nhựa có gắn ống hút, 01 bật lửa ga màu đỏ, 02 nỏ thuỷ tinh; 01 hộp kim loại; 01 túi giả da màu đen; 20 vỏ túi nilon KT 1,8x2cm; 20 vỏ túi nilon KT 2,5x2,5cm; 01 cân điện tử, 01 hộp giấy màu trắng, 01 ống nhựa màu trắng 01 đầu cắt vát nhọn, 01 đầu bằng và 01 sim điện thoại 0366.938.818. Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen gắn sim số 0783.105.878; 01 điện thoại Iphone 12 promax gắn sim số 0877.667.297; 01 điện thoại Iphone 11 gắn sim số 0393.142.291; 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmax gắn sim số 0342.275.387 và sim số 0816.251.201; 01 điện thoại di động Iphone 11 promax gắn sim số 0333.318.268. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart bên trong gắn sim số 0398.218.984 cho bị cáo Đinh Thị D. Truy thu số tiền 1.000.000 đồng của Ndo bán ma tuý mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Truy thu số tiền 9.000.000 đồng của Ddo bán ma tuý mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T, D, L, Nvà Đinh Thị D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Hthuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Htrình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với bị cáo H. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H. Về án phí: Bị cáo H thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo T, D, H, L, N và D tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tố giác tin báo về tội phạm ngày 09/4/2023, biên bản khám xét, biên bản kiểm tra điện thoại, biên bản xét nghiệm chất ma tuý trong nước tiểu bằng test thử ngày 09/4/2023, kết luận giám định số 326/TB-KTHS (MT) ngày 11/4/2023, kết luận giám định số 328/TB-KTHS (MT) ngày 14/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công bố công khai tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà đã có đủ căn cứ kết luận:

- Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý: Ngày 09/4/2023 Tchuẩn bị công cụ là nỏ thuỷ tinh, rủ D sử dụng ma tuý và thống nhất chung tiền với D để mua 500.000 đồng ma tuý. D rủ H sử dụng ma tuý, chuyển tiền cho H mua ma tuý và nhờ H thuê địa điểm sử dụng ma tuý, đưa trái phép chất ma tuý vào cơ thể T, H, L tại phòng 201 nhà nghỉ B thuộc thôn 5, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Hrủ Lsử dụng ma tuý, nhờ L đi mua ma tuý, thuê phòng 201 nhà nghỉ B, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma tuý. Ltrực tiếp đi mua ma tuý, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma tuý và đưa trái phép chất ma tuý vào cơ thể H, D tại phòng 201 nhà nghỉ B. Do đó các bị cáo T, D, Hvà Lđã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý với tình tiết định khung hình phạt là "đối với 02 người trở lên" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện N,

thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo T, D, Hvà Lvề tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

- Về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý: Bị cáo Nđã thực hiện hành vi cất giấu 3,43 gam ma túy là loại Methamphetamine; 13,26 gam ma tuý loại MDMA và 4,84 gam ma tuý loại Ketamine nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy cho người khác và đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma tuý cho Lvào tháng 01 năm 2023 và ngày 09/4/2023. Bị cáo Dđã thực hiện hành vi cất giấu 6,88 gam ma túy là loại Methamphetamine nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy cho người khác và đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma tuý có khối lượng 3,43 gam ma túy là loại Methamphetamine, 13,26 gam ma tuý là loại MDMA và 4,84 gam ma tuý là loại Ketamine cho Nvào các ngày 04/4/2023 và ngày 08/4/2023. Do đó các bị cáo Nvà Dđã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nđã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy 02 lần cho Lvà cất giấu 3,43 gam ma túy là loại Methamphetamine, 13,26 gam ma tuý là loại MDMA và 4,84 gam ma tuý là loại Ketamine nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy cho người khác. Bị cáo Dđã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy 02 lần cho Nkhối lượng là 3,43 gam ma túy là loại Methamphetamine, 13,26 gam ma tuý là loại MDMA và 4,84 gam ma tuý là loại Ketamine và cất giấu 6,88 gam ma túy là loại Methamphetamine nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy cho người khác. Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP quy định về việc tính khối lượng và thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 của Chính phủ thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine, MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên tổng khối lượng của Methamphetamine, MDMA và Ketamine trong trường hợp này thuộc trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó các bị cáo Nvà Dđã phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý với tình tiết định khung hình phạt là phạm tội 02 lần trở lên và có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo Nvà Dvề tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[4] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và quyết định hình phạt.

Hành vi phạm tội của các bị cáo T, D, H, L, Nvà Dlà rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy.

Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, D, Hvà Lkhông có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tthành khẩn khai báo và có thời gian tham gia quân đội đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo D, Hvà Lthành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đây là vụ án đồng phạm có nhiều người tham gia nên cần xem xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt. Trong vụ án xác định bị cáo T là người đề xuất, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma tuý, thống nhất chung tiền mua ma tuý và rủ D cùng sử dụng ma tuý; bị cáo D nhờ H mua ma tuý, thuê địa điểm và chuyển tiền để H mua ma tuý, rủ H sử dụng ma tuý và đưa ma tuý T, H, L sử dụng; bị cáo H nhờ L mua ma tuý, rủ L sử dụng ma tuý, thuê địa điểm sử dụng ma tuý; bị cáo L trực tiếp mua ma tuý, đưa ma tuý cho H, D sử dụng, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma tuý nên các bị cáo D, H, L đều là người thực hành tích cực. Vì vậy xác định mức độ tham gia của các bị cáo cơ bản là ngang nhau nên mức hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau.

- Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất và mức độ tham gia phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, D, Hvà Lđều phạm tội rất nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với các bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo H đã bị Toà án nhân dân huyện N xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý tại bản án số 61/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 nên cần tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự thành hình phạt chung.

Đối với tội mua bán trái phép chất ma tuý:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nkhông có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Dđã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị cáo chưa chấp hành mà lại phạm tội do cố ý là tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nthành khẩn khai báo và có bố đẻ là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dthành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Vì vậy căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị

cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nvà Dđều phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo Dcó 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Nkhông có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng nhân thân bị cáo Nđã bị kết án về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Mua bán trái phép chất ma tuý" đều đã được xoá án tích nên lần phạm tội này không tính là tái phạm nhưng điều đó thể hiện bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, khối lượng ma tuý của bị cáo Dbán cao hơn bị cáo Nnên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Dphải cao hơn bị cáo Nguyễn Văn N. Bị cáo Dđã bị Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý tại Bản án số 04/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng nên tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự thành hình phạt chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo T, D, H, L, Nvà Dđều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 vỏ túi nilon và 01 nỏ thủy tinh được niêm phong trong 01 phong bì giấy, niêm phong số 326MT-A/PC09; số ma tuý còn lại sau giám định và vỏ bao bì của mẫu số 3 đến mẫu số 7 được niêm phong trong 01 bì giấy, niêm phong số 326MT/PC09; số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì của 02 mẫu trong 01 bì giấy, niêm phong số 328MT/PC09; 01 vỏ chai sting; 01 nắp nhựa có gắn ống hút; 01 bật lửa gas màu đỏ; 02 nỏ thủy tinh; 01 hộp kim loại; 01 túi giả da màu đen; 20 vỏ túi nilon KT:1,8x2,5cm; 20 vỏ túi nilon KT:2,5x2,5cm; 01 cân điện tử; 01 hộp giấy màu trắng; 01 ống nhựa màu trắng 01 đầu vát nhọn, 01 đầu bằng và 01 sim điện thoại 0366.938.818 là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen gắn sim số 0783.105.878 thu giữ của T, 01 điện thoại Iphone 12 gắn sim số 0877.667.297 thu giữ của D, 01 điện thoại Iphone 11 gắn sim số 0393.142.291 thu giữ của H, 01 điện thoại Vsmax gắn sim số 0342.275.387 thu giữ của L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0333.318.268 thu giữ của Nlà công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart bên trong có sim số 0398.218.984 thu giữ của Dxác định không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Đinh Thị D. Truy thu số tiền 1.000.000 đồng của Ndo bán ma tuý mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Truy thu số tiền 9.000.000 đồng của Ddo bán ma tuý mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T, D, L, Nvà Đinh Thị D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị

cáo Hthuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này Klà chủ nhà nghỉ B để xảy ra việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý trong khu vực quản lý của mình, Công an huyện N đã chuyển hồ sơ đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. P, F(không xác định được căn cước) không tham gia và không biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý. Đối với người bán ma túy cho Dchưa xác định được căn cước nên Công an huyện N tách ra làm rõ, xử lý sau. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 15B2 - 279.16 thu giữ của T, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của ông Đào Văn Mai (là bố đẻ của T), ông Đào Văn Mai cho Tmượn nhưng không biết Tsử dụng xe mô tô trên để đi sử dụng trái phép chất ma tuý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Đào Văn Mai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo T08 (Tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D08 (Tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

Xử phạt bị cáo L08 (Tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H08 (Tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù tại bản án số 61/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung 15 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N09 (Chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/4/2023.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D10 (Mười) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại bản án số 04/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hành hình phạt chung 12 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2023.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 vỏ túi nilon và 01 nỏ thủy tinh được niêm phong trong 01 phong bì giấy, niêm phong số 326MT-A/PC09; số ma tuý còn lại sau giám định và vỏ bao bì của mẫu số 3 đến mẫu số 7 được niêm phong trong 01 bì giấy, niêm phong số 326MT/PC09; số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì của 02 mẫu trong 01 bì giấy, niêm phong số 328MT/PC09; 01 vỏ chai sting; 01 nắp nhựa có gắn ống hút; 01 bật lửa gas màu đỏ; 02 nỏ thủy tinh; 01 hộp kim loại; 01 túi giả da màu đen; 20 vỏ túi nilon KT:1,8x2,5cm; 20 vỏ túi nilon KT:2,5x2,5cm; 01 cân điện tử; 01 hộp giấy màu trắng; 01 ống nhựa màu trắng 01 đầu vát nhọn, 01 đầu bằng và 01 sim điện thoại 0366.938.818.

Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen gắn sim số 0783.105.878; 01 điện thoại Iphone 12 promax gắn sim số 0877.667.297; 01 điện thoại Iphone 11 gắn sim số 0393.142.291; 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmax gắn sim số 0342.275.387 và sim số 0816.251.201; 01 điện thoại di động Iphone 11 promax gắn sim số 0333.318.268.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart bên trong gắn sim số 0398.218.984 cho bị cáo Đinh Thị D.

Truy thu số tiền 1.000.000 đồng của Nđể sung vào ngân sách nhà nước

Truy thu số tiền 9.000.000 đồng của Dđể sung vào ngân sách nhà nước

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T, D, L, Nvà Đinh Thị D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Hđược miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền

Người bào chữa cho bị cáo H

phát biểu ý kiến: Nhất trí với quan điểm truy tố của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo Hvề tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Từ đó, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội.. Về án phí: Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị T, D, HL, Nvà Dtại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ vị trí, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ Kết luận giám định số 326/TB-KTHS (MT) ngày 11/4/2023, Kết luận giám định số 328/TB-KTHS (MT) ngày 10/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết quả xét nghiệm nước tiểu tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên toà đã có đủ căn cứ kết luận:

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Sáng **Lương Thị Mai D** **Nguyễn Thị Thu Hiền**